HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA CÁC NƯỚC EU GIAI ĐOẠN 2001-2004

Đinh Mạnh Tuấn - Hồ Thanh Hương
Viện Nghiên cứu Châu Âu

Trong thời gian 10 năm từ năm 1991 đến năm 2000, hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của thế giới luôn có xu hướng tăng. Đặc biệt trong hai năm 1999 và 2000, các dòng vốn FDI của thế giới đã tăng vọt do kinh tế thế giới tăng trưởng ở mức cao và do các công ty xuyên quốc gia (TNCs) đẩy mạnh việc thực hiện chiến lược toàn cầu hoá kinh doanh, biểu hiện là số lượng và giá trị của các hợp đồng mua lại và sáp nhập (M&A) gia tăng nhanh chóng. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2001-2004, nền kinh tế thế giới đã có những biến động to lớn và đã tác động trực tiếp tới các dòng vốn FDI của thế giới. Trong bối cảnh chung đó, cùng với sự tác động của nhiều yếu tố khác, hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài của các nước EU cũng không tránh khỏi những biến đổi mạnh mẽ trong thời gian này.

I. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA CÁC NƯỚC EU GIAI ĐOẠN 2001-2004

1. Những đặc điểm nổi bật trong hoạt động FDI của thế giới giai đoạn 2001-2004

Đồ thị 1: **Xu hướng FDI toàn cầu thời kỳ 1990-2004**

(Đơn vị: tỷ USD)

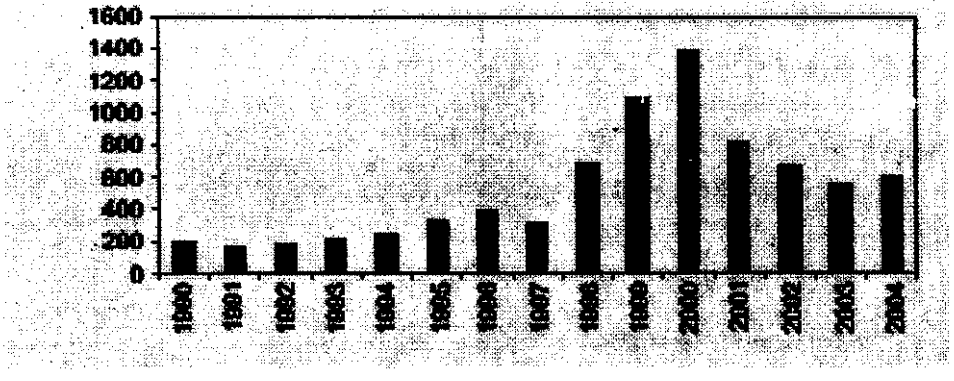

Nguồn:UNCTAD, Prospect for FDI and the Stratergies of TNCs, 2005-2008,

Đồ thị 2: Tốc độ tăng trưởng GDP thực tế hàng năm

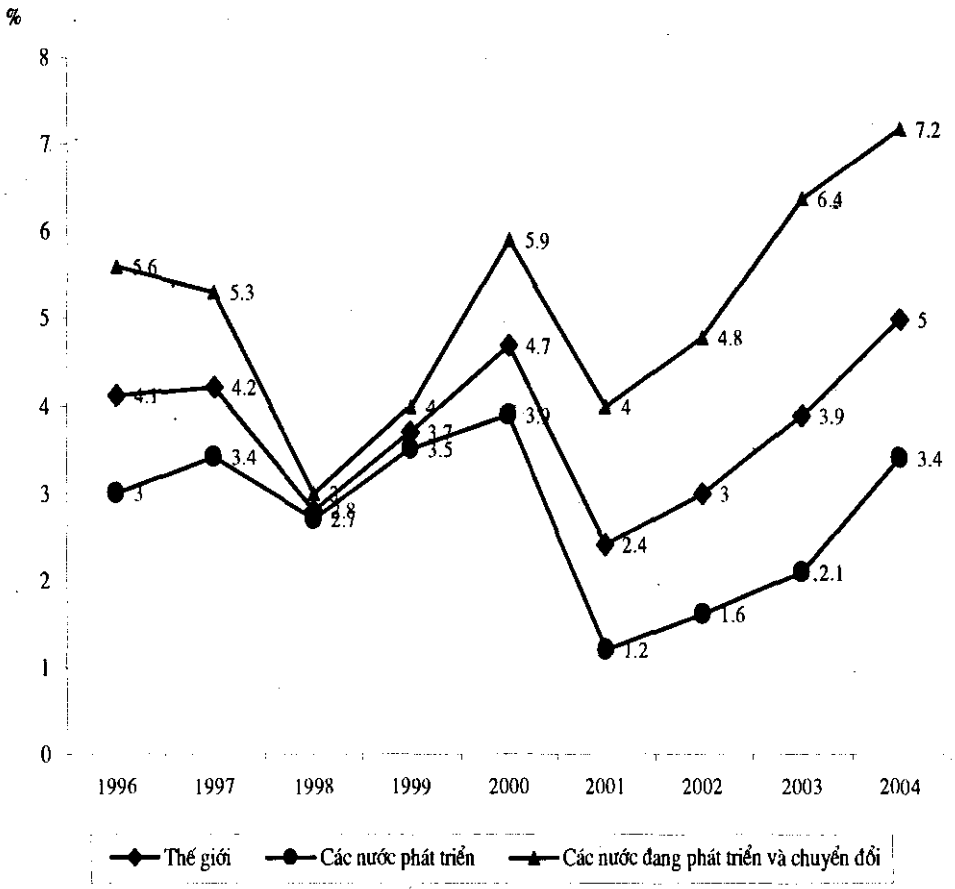

Nguồn: IMF World Economic Outlook, 2004

Vốn FDI của thế giới (tính theo dòng vốn vào) đã liên tục giảm trong ba năm, từ năm 2001 đến năm 2003 và chỉ bắt đầu tăng trở lại trong năm 2004, nhưng vẫn ở mức thấp hơn nhiều so với mức cao kỷ lục của các năm 1999 và 2000. Trong năm 2001, dòng vốn FDI mà các nước trên thế giới nhận được đã giảm hơn 41%, từ mức 1.402 tỷ USD năm 2000 xuống còn 823 tỷ USD năm 2001. Đây là mức giảm lớn nhất trong vòng 30 năm qua và xu hướng giảm vẫn tiếp tục kéo dài trong hai năm 2002 và 2003, nhưng mức độ giảm đã dần chậm lại. Theo các nhà phân tích, dòng vốn FDI vào các nước đã liên tiếp giảm trong ba năm 2001-2003 là do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

+ *Nguyên nhân đầu tiên* là do kinh tế thế giới tăng trưởng thấp trong hai năm 2001 và 2002 và chỉ dần lấy lại đà tăng trưởng trong năm 2003, nhưng còn chưa thực sự mạnh mẽ. Cả ba trung tâm kinh tế lớn nhất của thế giới là Mỹ, EU và Nhật Bản trong giai đoạn này đều gặp phải hàng loạt vấn đề nên đều trải qua thời kỳ phát triển không vững chắc và không tạo ra được đà thúc đẩy kinh tế thế giới tăng trưởng mạnh. Trong khi đó, nguy cơ bất ổn về an ninh trên thế giới luôn ở mức cao trong giai đoạn này. Đó là những nhân tố quan trọng nhất tạo nên tâm lý bất an trong giới kinh doanh và đầu tư quốc tế. Bước sang năm 2004, khi nền kinh tế của cả ba trụ cột kinh tế cùng phục hồi, đặc biệt là kinh tế Mỹ tăng trưởng ở mức cao (4,3%), đã tạo động lực mạnh cho nền kinh tế thế giới tăng trưởng mạnh trở lại. Chính vì vậy các dòng vốn FDI của thế giới trong năm 2004 đã có điều kiện thuận lợi để tăng trở lại sau ba năm liên tiếp giảm.

+ *Một nguyên nhân quan trọng khác* khiến các dòng vốn FDI của thế giới giảm mạnh trong ba năm liên tiếp từ 2001 đến 2003 là việc các hợp đồng M&A trong những năm này giảm mạnh cả về số lượng và giá trị. Sau thời gian gia tăng các hoạt động M&A trong những năm cuối thế kỷ XX và đặc biệt là trong hai năm 1999 và 2000, các TNCs phải tập trung vào thực hiện việc củng cố các hoạt động, cải tổ cơ cấu để nâng cao sức cạnh tranh và xu hướng chủ yếu là các TNCs giảm bớt các hoạt động đầu tư mới thông qua M&A với mục đích mở rộng thị trường. Bên cạnh đó, hoạt động M&A thời gian qua cũng giảm sút một phần vì sau hàng loạt các vụ bê bối và phá sản của các TNCs trong thời gian gần đây, lòng tin của các nhà đầu tư quốc tế cũng bị suy giảm mạnh. Các vụ bê bối và phá sản còn có tác động khiến thị trường chứng khoán của các nước công nghiệp sụt giảm mạnh. Điều này một mặt cũng làm suy giảm lòng tin của giới kinh doanh, một mặt còn trực tiếp làm giảm giá trị các hợp đồng M&A vì giá của các chứng khoán trao đổi đã bị giảm xuống đáng kể. Cho tới năm 2004, các quy định kiểm toán được thắt chặt hơn được áp ở các nước công nghiệp phát triển ngay sau các vụ bê bối tài chính đã phần nào khôi phục được niềm tin của các nhà đầu tư, cùng với việc giá chứng khoán tăng lên đã khiến hoạt động M&A của thế giới tăng trở lại cả về số lượng và giá trị các hợp đồng. Ngoài ra, dòng vốn FDI của thế giới giảm mạnh trong hai năm 2001 và 2002 một phần là do khả năng sinh lợi, thu nhập từ tái đầu tư và các khoản vay nội bộ công ty trong hai năm này đều có những diễn biến bất lợi. Trong năm 2003 và 2004, những nhân tố này nhìn chung đã có những chuyển biến tích cực, nhờ đó đã góp phần làm chậm lại tốc độ giảm sút của các dòng vốn FDI trong năm 2003 và khôi phục đà tăng trưởng của hoạt động FDI trong năm 2004.

Bảng 1: **Các hợp đồng M&A có giá trị trên 1 tỷ USD của thế giới trong các năm 1997-2004**

Năm	Số hợp đồng	% trong tổng số	Giá trị (tỷ USD)	% trong tổng số
1997	64	1,3	129,2	42,4
1998	86	1,5	329,7	62,0
1999	114	1,6	522,0	68,1
2000	175	2,2	866,2	75,7
2001	113	1,9	378,1	63,7
2002	81	1,8	213,9	57,8
2003	56	1,2	141,1	47,5
2004	75	1,5	199,8	52,5

Nguồn: UNCTAD, World Investment Report 2005, trang 9.

1. Hoạt động FDI của các nước EU giai đoạn 2001-2004

Là địa chỉ đầu tư và thu hút vốn FDI lớn nhất thế giới, các dòng vốn vào và ra của các nước EU trong thời kỳ 2001-2004 cũng chịu tác động của các nhân tố chung và thay đổi theo xu hướng biến động chung của các dòng vốn FDI của thế giới. Tuy nhiên, bên cạnh những nét chung đó, các dòng vốn FDI của Khối EU cũng như của từng nước thành viên còn có những đặc điểm riêng do chịu tác động của nhiều nhân tố khác nhau.

1.1 Hoạt động thu hút FDI của các nước EU giai đoạn 2001-2004

Sau nhiều năm liên tục tăng, đặc biệt là trong hai năm 1999 và 2000, chủ yếu do các hợp đồng M&A tăng đột biến cả về số lượng và giá trị, sang năm 2001 lượng vốn FDI mà các nước EU nhận được đã giảm mạnh tới 43,5%, sau đó tăng nhẹ vào năm 2003 và xu hướng giảm sút vẫn tiếp tục kéo dài cho tới tận năm 2004, mặc dù tốc độ giảm đã chậm dần. Điều này bắt nguồn từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:

+ *Kinh tế của các nước EU trong ba năm 2001-2003 có xu hướng giảm sút và chỉ duy trì mức tăng trưởng ở mức rất thấp.* Trong năm 2004, mức tăng trưởng mặc dù đã cao hơn trước nhưng chưa thực sự cho thấy dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ. Theo các chuyên gia, nền kinh tế các nước EU thời gian qua phải đối mặt với nhiều khó khăn, trong đó một số khó khăn chủ yếu là các khoản phúc lợi xã hội cao, cùng với việc đồng Euro tăng giá mạnh so với các ngoại tệ khác đã làm hạn chế khả năng kinh doanh và góp phần làm cho tình trạng thất nghiệp ở các nước EU rất khó giải quyết; Kế hoạch mở rộng EU đòi hỏi các khoản chi rất lớn để giúp các nước thành viên mới đạt mức phát triển phù hợp với các yêu cầu của EU.... Mặc dù các nước EU đã thực hiện nhiều biện pháp cải cách, nhưng những kết quả thu được mới chỉ là bước đầu. Điều này có tác động mạnh tới hoạt động FDI của các nước EU, khiến lượng vốn FDI mà các nước EU thu hút cũng như đầu tư ra nước ngoài trong cùng thời kỳ nhìn chung bị giảm sút mạnh.

Bảng 2: Tăng trưởng GDP thực tế của các nước EU

(Đơn vị: %)

Nước	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005*	2006*	2007*
EU15	3.0	3.8	1.9	1.1	1.1	2.3	1.4	2.0	2.0
Áo	3.3	3.4	0.8	1.0	1.4	2.4	1.7	1.9	2.2
Đan Mạch	2.6	3.5	0.7	0.5	0.6	2.1	2.7	2.3	2.1
Đức	2.0	3.2	1.2	0.1	-0.2	1.6	0.8	1.2	1.6
Anh	3.0	4.0	2.2	2.0	2.5	3.2	1.6	2.3	2.8
Bồ Đào Nha	3.9	3.8	2.0	0.5	-1.2	1.2	0.4	0.8	1.2
Bỉ	3.1	3.9	1.0	1.5	0.9	2.6	1.4	2.1	2.0
Hà Lan	4.0	3.5	1.4	0.1	-0.1	1.7	0.5	2.0	2.4
Hy Lạp	3.4	4.5	4.6	3.8	4.6	4.7	3.5	3.4	3.4
Ireland	10.7	9.2	6.2	6.1	4.4	4.5	4.4	4.8	5.0
Italia	1.7	3.0	1.8	0.4	0.3	1.2	0.2	1.5	1.4
Luxembourg	7.8	9.0	1.5	2.5	2.9	4.5	4.2	4.4	4.5
Pháp	3.3	4.1	2.1	1.2	0.8	2.3	1.5	1.8	2.3
Phần Lan	3.4	5.0	1.0	2.2	2.4	3.6	1.9	3.5	3.1
Tây Ban Nha	4.7	5.0	3.5	2.7	3.0	3.1	3.4	3.2	3.0
Thuỵ Điển	4.5	4.3	1.1	2.0	1.7	3.7	2.5	3.0	2.8

(*)- Dự đoán

Nguồn: http://europa.eu.int/comm/eurostat.

+ Ngoài ra, cũng tương tự như xu hướng chung của thế giới, *hoạt động M&A mà các nước EU thực hiện* (trên phương diện là phía bán lại các công ty, tập đoàn) *sau nhiều năm tăng mạnh, đặc biệt là trong hai năm 1999 và 2000 thì trong bốn năm sau đó đã liên tiếp giảm mạnh.* Giá trị của các hợp đồng M&A bán lại mà các nước EU thực hiện đã giảm 63%, 8,9% và 37% trong ba năm 2001, 2002 và 2003. Mặc dù trong số những hợp đồng M&A có giá trị lớn nhất được thực hiện trong những năm này, các công ty và tập đoàn của EU được bán vẫn chiếm tỷ lệ lớn, nhưng giá trị của các hợp đồng này đã giảm, và so với các hợp đồng M&A của năm 1999 và 2000 thì giá trị của chúng thấp hơn rất nhiều.

***Bảng 3*: Giá trị các hợp đồng M&A bán của EU và thế giới (1998-2004)**

(Đơn vị: triệu USD)

	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004
Áo	3.551	380	574	9.175	38	2.115	1.787
Đan Mạch	3.802	4.615	9.122	2.461	2.014	1.384	5.893
Đức	19.047	39.555	246.990	48.641	46.605	25.158	35.868
Anh	91.081	132.534	180.029	68.558	52.958	31.397	58.107
Bồ Đào Nha	427	211	2.980	409	1.132	1.732	1.233
Bỉ	6.865	24.984	7.318	6.897	5.449	3.182	2.345
Hà Lan	19.359	39.010	33.656	27.628	11.037	9.180	13.321
Hy Lạp	21	191	245	1.854	65	943	1.455
Ireland	729	4.739	5.246	6.151	5.241	185	2.878
Italia	4.480	11.237	18.877	9.104	11.608	15.259	10.953
Luxembourg	35	7.360	4.210	2.681	2.952	958	72
Pháp	16.885	23.834	35.018	14.424	30.122	17.495	20.132
Phần Lan	4.780	3.144	6.896	490	8.206	3.557	3.232
Tây Ban Nha	5.700	5.841	22.248	8.713	8.903	5.110	7.143
Thuỵ Điển	11.093	59.676	13.112	5.774	7.614	4.321	10.916
EU	187.853	357.311	586.521	212.960	193.942	121.977	175.335
Mỹ	209.548	251.934	324.350	184.880	73.233	69.670	81.939
Nhật	4.022	16.431	15.541	15.183	5.689	10.948	8.875
Thế giới	531.648	766.044	1.143.816	593.960	369.789	296.988	380.598

Nguồn: UNCTAD, World Investment Report 2004, trang 441.
UNCTAD, World Investment Report 2005, trang 325.

Đứng trước xu hướng giảm sút lượng vốn FDI thu hút được, trong những năm đầu của thế kỷ XXI, các nước thành viên EU đã đề ra nhiều biện pháp, trong đó nổi bật là tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa chính sách tự do hoá đầu tư. Một số nước đưa ra các biện pháp ưu đãi đầu tư về thuế và bảo lãnh như Bỉ và Ireland, thành lập các cơ quan xúc tiến đầu tư (IPAs) như Hà Lan và Bồ Đào Nha. Bên cạnh đó, hầu hết các nước đều thực hiện điều chỉnh các chính sách có liên quan nhằm đẩy mạnh thu hút vốn FDI. Một trong số những nước thực hiện điều chỉnh mạnh nhất các chính sách về đầu tư là nước Pháp. Trong năm 2003, Thủ tướng J.P.Raffarin đã đề ra 40 biện pháp mới với mục tiêu tổng thể là xác định và phân tích cả những điểm mạnh và điểm yếu của Pháp trong thu hút vốn FDI so với các nước khác. Chính sách mới này được hướng dẫn thực hiện dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Chiến lược quốc gia về thu hút vốn và trong số các thành viên của Hội đồng này có một số người là chủ tịch hội đồng quản trị của các TNCs hàng đầu[1].

[1] Xem thêm UNCTAD, *World Investment Report 2004*, trang 85-85.

Ngoài ra, bản thân EU còn đẩy mạnh ký kết các hiệp định đầu tư song phương (BITs) và các hiệp định về thuế (BTTs) với những đối tác đầu tư quan trọng, trong đó có các nước Địa Trung Hải và các nước trong khu vực Trung và Đông Âu. Đồng thời, EU còn đang đẩy mạnh ký kết các hiệp định thương mại tự do của vùng (RTAs) và khu vực (FTAs) với nhóm các nước châu Phi, Caribê và Thái Bình Dương (ACD), trong đó bao gồm cả các điều khoản khuyến khích đầu tư giữa hai bên.

Trong thời gian này, trong số các nước đầu tư vào EU, Mỹ vẫn luôn là nước có số vốn FDI đưa vào EU nhiều nhất. Mặc dù từ sau năm 2000, vốn FDI của Mỹ đầu tư vào EU bị giảm mạnh về tổng giá trị, nhưng lại tăng nhanh về tỷ lệ so với tổng lượng vốn mà các nước không thuộc EU đầu tư vào EU. Một lượng vốn FDI lớn tiếp tục được các TNCs có trụ sở tại Mỹ đưa vào EU thông qua các hợp đồng M&A có giá trị lớn, trong đó có những hợp đồng nằm trong danh sách, nhưng vụ M&A có giá trị lớn nhất được thực hiện trong năm. Bên cạnh đó, một số nước cũng có số vốn FDI đầu tư vào EU khá cao là Thuỵ Điển, Na Uy, Canada và Nhật Bản.

Bảng 4: **Một số đối tác chủ yếu đầu tư vào EU giai đoạn 1999-2003**

(Đơn vị: tỷ Euro)

	1999		2000		2001		2002		2003	
	giá trị	%	giá trị	%	giá trị	%	giá trị	%	giá trị	%
OECD (ngoài EU)	92,0	74,9	141,9	78,8	87,9	73,2	76,1	54,4	86,5	76,4
Châu Âu (ngoài EU)	20,4	16,6	29,3	16,3	17,5	14,6	19,0	13,6	46,7	41,3
CEECs-10	0,5	0,4	1,1	0,6	1,0	0,83	1,1	0,78	0,8	0,70
Bắc Mỹ	78,2	63,7	94,5	52,5	68,4	57,0	54,6	39,1	58,6	51,8
Mỹ	76,0	61,9	79,9	44,4	61,1	50,9	52,1	37,3	50,4	44,5
Canada	2,2	1,8	14,6	8,1	7,3	6,1	2,5	1,8	8,2	7,2
Trung Mỹ	8,1	6,6	7,4	4,1	9,3	7,7	41,9	30,0	-0,2	-0,2
Châu Á	7,1	5,8	24,1	13,4	21,8	18,2	17,3	12,4	6,9	6,1
Nhật Bản	3,4	2,8	17,1	9,5	8,3	6,9	8,8	6,3	4,7	4,2
Trung Quốc	0,5	0,4	2,2	1,2	6,2	5,2	2,4	1,7	1,2	1,1
Các nước ngoài EU	122,8	100,0	180,1	100,0	120,1	100,0	139,8	100,0	113,2	100,0

Nguồn: Eurostat, Statistic in focus, 20/2005.

2.2 Hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các nước EU

Cũng giống như dòng vốn đưa vào, dòng vốn FDI mà các nước EU đầu tư ra bên ngoài cũng liên tiếp giảm trong thời gian 2001-2004. Bên cạnh lý do nền kinh tế của các nước thành viên EU tăng trưởng thấp trong những năm 2001-2003 và bắt đầu hồi phục trong năm 2004 còn có một nguyên nhân chính khác dẫn tới tình trạng trên, đó là do tổng giá trị các hợp đồng M&A mua mà các nước EU thực hiện trong những năm này giảm. Các TNCs của các nước thành viên EU vẫn chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng số các hợp đồng M&A mua của thế giới trong những năm 2001-2004, nhưng tổng giá trị của các hợp đồng này vẫn liên tiếp giảm, những hợp đồng M&A mua có giá trị lớn nhất ở mức thấp hơn nhiều so với những hợp đồng lớn nhất mà các TNCs của các nước thành viên EU thực hiện vào một vài năm trước đó. Trong số các nước EU, nước có tổng giá trị các hợp đồng M&A mua bị sụt giảm nhiều nhất là Vương quốc Anh với mức giảm khoảng 70% và 38% trong năm 2001 và 2002. Trong năm 2003, mức giảm này đã chậm lại và chỉ ở mức 17,7%.

***Bảng 5:* Giá trị các hợp đồng M&A mua của EU và thế giới (1998-2004)**

(Đơn vị: triệu USD)

	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004
Áo	302	1.771	2.254	1.171	1.848	1.744	5.810
Đan Mạch	1.250	5.654	4.590	4.163	2.012	2.724	4.703
Đức	66.728	85.530	58.671	57.011	45.110	19.669	18.613
Anh	95.099	214.109	382.422	111.764	69.220	59.953	47.307
Bồ Đào Nha	4.522	1.434	2.657	668	1.481	107	3.105
Bỉ	2.225	13.357	16.334	16.951	5.474	3.166	9.309
Hà Lan	24.280	48.909	52.430	31.160	14.947	8.506	9.130
Hy Lạp	1.439	287	3.937	1.267	139	371	74
Ireland	3.196	4.198	5.575	2.063	4.027	1.702	3.554
Italia	15.200	12.801	16.932	11.135	8.242	4.662	5.167
Luxembourg	891	2.847	6.040	4.537	3.683	613	558
Pháp	30.926	88.656	168.710	59.169	33.865	8.777	14.994
Phần Lan	7.333	2.236	20.192	7.573	5.304	600	2.712
Tây Ban Nha	15.031	25.452	39.443	11.253	6.276	5.538	32.492
Thuỵ Điển	15.952	9.914	21.559	7.365	12.231	4.428	5.906
EU	284.373	517.155	801.746	327.252	213.860	119.559	163.431
Mỹ	137.421	120.310	159.269	96.039	78.429	82.395	110.022
Nhật	1.284	10.517	20.858	16.131	8.661	8.442	3.787
Thế giới	531.648	766.044	1.143.816	593.960	369.789	296.988	380.598

Nguồn: UNCTAD, World Investment Report 2004, trang 442.
UNCTAD, World Investment Report 2005, trang 325.

Trong số các nước nhận được vốn FDI của các nước EU thời gian qua, Mỹ vẫn là đối tác quan trọng nhất. Mặc dù tổng lượng vốn FDI mà các nước EU đầu tư vào Mỹ cũng liên tiếp bị giảm sút trong các năm 2001-2002 và tăng nhẹ vào năm 2003, nhưng Mỹ luôn là nước dẫn đầu trong số các nước nhận được vốn FDI của EU. Hai nước có số vốn FDI đầu tư vào Mỹ nhiều nhất trong những năm qua là Pháp và Anh. Đầu tư của các nước EU vào Nhật Bản trong những năm này có xu hướng tăng, chủ yếu thông qua các dự án trong các lĩnh vực về sản xuất ôtô và dịch vụ tài chính. Bên cạnh đó, vốn FDI mà các nước Trung và Đông Âu nhận được từ các nước EU trong thời gian này bị giảm về khối lượng, nhưng lại có xu hướng tăng lên về tỷ lệ. Tuy nhiên, các nước Trung và Đông Âu đang mất dần lợi thế về thu hút vốn FDI kể từ sau năm 2003 khi các chương trình tư nhân hoá ở nhiều nước đã hoặc đang dần kết thúc, mức tiền công ở các nước này đang dần tăng nhanh trong khi tỷ lệ các ngành sản xuất sử dụng nhiều lao động vẫn còn ở mức cao.

Bảng 6: Một đối tác chủ yếu nhận vốn FDI của EU giai đoạn 1999-2003

(Đơn vị: tỷ Euro)

	1999		2000		2001		2002		2003	
	giá trị	%	giá trị	%	giá trị	%	giá trị	%	giá trị	%
OECD (ngoài EU)	238,5	74,5	333,6	76,6	155,2	54,2	45,8	35,9	69,7	55,2
Châu Âu (ngoài EU)	38,8	12,1	103,9	23,8	25,8	9,0	35,9	28,1	52,3	41,4
CEECs-10	13,0	4,1	21,1	4,8	18,8	6,5	13,0	10,1	7,0	5,2
Bắc Mỹ	195,4	61,0	220,7	50,7	146,4	51,1	-8,0	-6,3	56,3	44,6
Mỹ	191,4	59,8	182,1	41,8	139,2	48,6	-8,9	-7,0	53,7	42,6
Canada	3,9	1,2	38,5	8,8	7,2	2,5	0,8	0,6	2,6	2,1
Trung Mỹ	6,9	2,2	21,1	4,8	23,7	8,3	52,1	40,8	-2,0	-1,6
Nam Mỹ	34,7	10,8	32,3	7,4	22,8	8,0	2,8	2,2	0,9	0,7
Châu Á	26,0	8,1	17,7	4,1	57,1	19,9	30,4	23,8	13,5	10,7
Nhật Bản	8,7	2,7	6,7	1,5	-9,4	-3,3	10,2	8,0	0,7	0,6
Trung Quốc	4,2	1,3	-1,7	-0,4	51,1	17,8	6,0	4,7	4,8	3,8
Các nước ngoài EU	**320,3**	**100,0**	**435,7**	**100,0**	**286,4**	**100,0**	**127,7**	**100,0**	**126,2**	**100,0**

Nguồn: Eurostat, Statistic in focus, 20/2005

a. Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài trong nội bộ các nước EU

Biểu 1: Lượng vốn FDI trong nội bộ EU

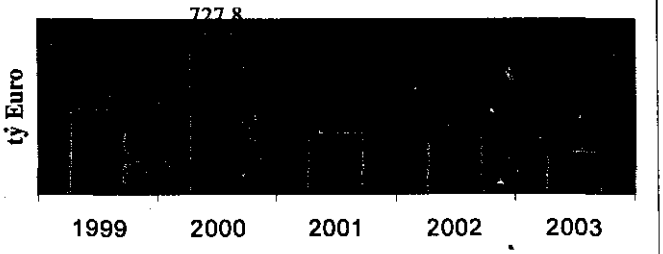

Nguồn: Eurostat, Statistic in focus 12/2003 & 52/2004

Mặc dù dòng vốn FDI mà các nước EU đầu tư ra nước ngoài có xu hướng giảm trong thời kỳ 2001-2003 và chỉ tăng nhẹ trong năm 2004, nhưng số vốn FDI mà các nước EU đầu tư sang các nước khác trong nội bộ Khối lại luôn có xu hướng tăng trong thời gian này, ngoại trừ năm 2003 là giảm sút mạnh do ba nước là Luxembourg, Anh và Đức có số vốn FDI đầu tư sang các nước khác trong nội bộ Khối bị giảm mạnh. Tuy nhiên phần lớn vốn FDI mà các nước thành viên EU đầu tư sang các nước trong nội bộ Khối được đưa vào lĩnh vực dịch vụ. Tỷ lệ vốn FDI nội bộ Khối được đưa vào lĩnh vực này đã tăng từ 66% năm 2001 lên 80% năm 2002, còn tỷ lệ vốn FDI nội bộ Khối được đưa vào lĩnh vực chế tạo đã giảm từ 27% năm 2001 xuống 16% năm 2002[2]. Trong số các ngành thuộc lĩnh vực dịch vụ, vốn FDI đưa vào các ngành trung gian tài chính và viễn thông có xu hướng tăng nhanh về tỷ trọng, còn những ngành thương mại và các dịch vụ kinh doanh lại có tỷ trọng giảm dần trong tổng số vốn FDI nội bộ Khối đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ.

3. Triển vọng hoạt động đầu tư của EU trong thời gian tới

Theo đánh giá của IMF, tỷ lệ tăng trưởng của năm 2005 chỉ vào khoảng 1.4% và thấp hơn 2.0% vào năm 2006. Đánh giá này của IMF phù hợp với những yếu tố rủi ro xảy ra trong năm 2005, đó là giá dầu tăng cao, làn sóng phản đối toàn cầu hoá và hội nhập ở châu Âu. Tuy bức tranh kinh tế có phần khả quan hơn trước, nhưng vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi và không có những đột biến, nên bức tranh về đầu tư cũng không có nhiều biến động so với những năm vừa qua. Và so với nền kinh tế Mỹ thì sức hấp dẫn FDI của EU cũng giảm.

Với mức tăng trưởng kinh tế dương như trên, luồng FDI vào EU có dấu hiệu tăng lên sau sự sụt giảm 19% năm 2003 do tăng trưởng kinh tế trì trệ và sự sụt giảm đầu tư vốn cố định. Tăng trưởng dương cộng với lợi nhuận tăng của các TNCs khiến cho FDI vào khu vực này có thể sẽ tăng lên trong thời gian tới.

---

[2] Eurostat, Statistic in focus, 52/2004 và 20/2005).

Về đầu tư trong Khối, mức đầu tư sẽ không tăng cao do các yếu tố về cơ cấu đó là vấn đề già hoá dân số, sự linh động của thị trường và sự hội nhập thị trường tài chính. Việc hình thành vốn cố định giảm do cầu nội Khối giảm và sự suy giảm cạnh tranh tại các nước thành viên làm giảm tăng trưởng của các nước thành viên, đồng thời làm tăng rủi ro trong thực hiện tăng trưởng chung của vùng. Sau khi thu hẹp đầu tư đầu năm 2004 (-0,1% quý I), đầu tư bắt đầu dần dần lấy lại được tốc độ. Hình thành tổng vốn cố định tăng 0,5% trong quý II và 0,6% trong hai quý cuối năm. Xu hướng đi lên này kết hợp với các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến đầu tư cho thấy chi tiêu cho vốn cố định có thể phục hồi chắc chắn và ổn định, vì vậy sẽ cung cấp một điểm sáng trong bức tranh giảm cầu nội địa.

Đầu tư nội Khối được dự đoán sẽ chảy mạnh vào các nước Trung và Đông Âu mới gia nhập. Những nền kinh tế này được đánh giá có tốc độ tăng trưởng cao trong những năm tới. Hình thức đầu tư vào các nước này chủ yếu vẫn là đầu tư mới và M&A. Khu vực này cũng được xem là thu hút nhiều FDI ngoài Khối do việc gia nhập EU của các quốc gia thành viên mới. Thêm vào đó, ở một vài nước, hoạt động tư nhân hoá sẽ còn tiếp tục diễn ra mạnh trong vòng hai ba năm tới cũng là một yếu tố làm tăng FDI ở khu vực.

Sự phục hồi kinh tế toàn cầu vào năm 2004 và những đánh giá khả quan cho giai đoạn 2005 – 2006 khiến FDI thế giới tăng lên và EU cũng không nằm ngoài xu hướng này. Theo IMF thì tăng trưởng thế giới giai đoạn 2005-2006 vào khoảng 4%, kể cả khi đã tính đến những cú sốc gần đây như là giá dầu tăng cao và những thiệt hại nghiêm trọng do các cơn bão gây ra ở Mỹ. FDI của EU ra nước ngoài tăng lên, nhưng xu hướng ngành và điểm đến thì không thay đổi so với những năm qua. Nước có nguồn vốn FDI đầu tư ra nước ngoài lớn vẫn sẽ là các nước Đức và Anh, tuy nhiên hai nước này vẫn đứng sau Mỹ.

Kết luận: Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài của thế giới trong những năm từ 2001-2004 có những thay đổi to lớn, tác động mạnh mẽ tới hoạt động đầu tư trực tiếp của các nước EU trong thời gian này. Đồng thời, những yếu tố của bản thân các nước EU như tình trạng kinh tế, các điều chỉnh trong các chính sách liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài, chính sách mở rộng... đã ảnh hưởng lớn tới hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài của các nước EU trong giai đoạn 2001-2004 này. Nhìn chung, dòng vốn FDI mà các nước EU nhận được và đầu tư ra bên ngoài Khối có xu hướng giảm sút, chỉ có dòng vốn FDI đầu tư trong nội bộ Khối là có xu hướng tăng lên. Tuy nhiên, trong một vài năm tiếp theo, cùng với việc hoạt động FDI của thế giới có triển vọng tiếp tục phục hồi nhanh, hoạt động FDI của các nước EU cũng được dự đoán là sẽ gia tăng, xét cả về dòng vốn thu hút được, dòng vốn đầu tư ra nước ngoài và đầu tư sang các nước khác trong nội bộ Khối.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1) Carlo Altomonte-Mario Nava, *Kinh tế và chính sách của EU mở rộng*, NXB Chính trị Quốc gia, 2004.

2) Kim Ngọc, *Kinh tế thế giới - Đặc điểm và triển vọng các năm 2000-2004*, NXB Chính trị Quốc gia.

3) Lê Bộ Lĩnh, *Kinh tế thế giới và Quan hệ Kinh tế thế giới*, NXB Chính trị Quốc gia, 2005.

4) Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, các năm 2001-2005.

5) UNCTAD, *World Investment Report*, 2001-2005.

6) www.europa.eu.int